

**CÔNG TY CỔ PHẦN HB LUXURY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HB LUXURY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HB LUXURY VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109315590

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 34, ngõ 495 Xuân Đình, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942937777

Fax:

Email: [hbluxuryvn@gmail.com](mailto:hbluxuryvn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                              | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                        | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                   | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                       | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                            | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                             | 4223     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                              | 4229     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                     | 4299     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                         | 4311     |
| 10. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                          | 4293     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                              | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                          | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí          | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                 | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                 | 4330     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                            | 4390     |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                             | 4649     |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, quặng uranium và thorium) | 4662     |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                        | 4663     |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                              | 4752        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4759        |
| 24. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                 | 1621        |
| 25. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |
| 26. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                           | 1623        |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 28. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                     | 3100        |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                           | 3320        |
| 30. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 31. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                   | 0810        |
| 32. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                             | 2392        |
| 33. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                | 2394        |
| 34. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                 | 2395        |
| 35. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                          | 2410        |
| 36. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 80.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CÔNG BÌNH     | Số 07, ngõ 118 đường Nguyễn Trường Tộ, Khối 13, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000     | 600.000.000           | 75,000    | 187406695                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                   | 60.000     | 600.000.000           | 75,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG | Số 7, ngõ 11, đường Phong Đình Cảng, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 12.000     | 120.000.000           | 15,000    | 187406791                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                   | 12.000     | 120.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                        |                                                                                                                  |                                    |       |            |        |           |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>HÀ GIANG | Số 7, ngõ 11,<br>đường Phong<br>Đình Cảng,<br>Phường Trường<br>Thị, Thành phố<br>Vinh, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 8.000 | 80.000.000 | 10,000 | 187819774 |
|   |                        |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                        |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                        |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                        |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                        |                                                                                                                  | Tổng số                            | 8.000 | 80.000.000 | 10,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 15/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187406695

Ngày cấp: 28/08/2019

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 07, ngõ 118 đường Nguyễn Trường Tộ, Khối 13, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 34, ngõ 495 Xuân Đình, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội